



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



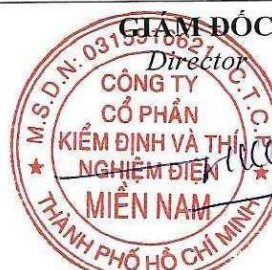
ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 2213/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 24/07/2025 Trang/ Page: 1/3
---------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: <i>Customer:</i>	CÔNG TY TNHH MTV SOLAR POWER NINH THUẬN Thôn 3, Xã Phước Hà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
2. Địa chỉ thử nghiệm: <i>Place of testing:</i>	Phòng Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện – ETSC
3. Đối tượng thử nghiệm: <i>Type of testing:</i>	Ủng cao su cách điện trung thế <i>The medium voltage insulating rubber boots</i>
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: <i>Quantity/Installation location:</i>	01 Đôi/ 01 Pairs
5. Phương pháp thử nghiệm: <i>Method of testing:</i>	TN/QT-17; QCVN15:2013/BLĐTBXH; TCVN 5588-1991, 959/QĐ-EVN. Tài liệu kỹ thuật NSX; Theo yêu cầu khách hàng.
6. Thời gian thực hiện: <i>Inspection Date:</i>	22÷23/07/2025
7. Thông số kỹ thuật: <i>Specification:</i>	Loại/ Type: ỦNG CÁCH ĐIỆN 24KV Năm sản xuất/ Date of manufacture: Không rõ/NA Điện áp làm việc lớn nhất/ Maximum working voltage: 24kV Tần số/ Frequency: 50/60 Hz Số quản lý/ Serial No: Không rõ/NA Nhà sản xuất/ Manufacture: Cty CP Trọng Hưng – Việt Nam
8. Phương tiện thử nghiệm: <i>Testing equipment:</i>	Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.
9. Điều kiện môi trường: <i>Environmental conditions:</i>	$(32 \pm 2)^{\circ}\text{C}$; $(60 \pm 5)\% \text{ RH}$
10. Kết quả thử nghiệm: <i>Testing result:</i>	Xem trang sau <i>See next page</i>
11. Tem thử nghiệm: <i>Testing stamp No:</i>	/
12. Kết luận <i>Conclusion</i>	Ủng cao su cách điện trung thế trên không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật / The above insulating rubber boots do not meet the technical standards
13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: / <i>Recommended next testing period:</i>	

Người Thực Hiện
Executor

Nguyễn Đức Tiến Luyện



Nguyễn Quốc Hoàn





Số/No: 2213/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 24/07/2025 Trang/ Page: 2/3
--------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1
Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra trực quan/ Visual check: Bất thường/ Abnormal.

Stt No	Đối tượng đo Measuring object	So sánh tham chiếu Compare reference	Kết quả Result	Đánh giá Assess
1	Nhãn mác/ Label	Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal	Còn tốt/ Good	Đạt/ Ok
2	Kiểm tra hiện trạng bên ngoài/ Check the equipments exterior	Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal	Cao su bị lão hóa/ Aging rubber	Không đạt/ Failure
3	Bề mặt cách điện/ Insulation surface	Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal	Cao su bị lão hóa/ Aging rubber	Không đạt/ Failure

10.2 Điện trở cách điện (R_{cd})/ Insulation Test ($M\Omega$):

Đối tượng đo The object of measurement	Mức tiêu chuẩn Standard level ($M\Omega$)	Kết quả đo Measurement results ($M\Omega$)	Đánh giá Assess
Cực trong Ủng phải - Vỏ bồn Iron bar in right boot - Case	> 1.000	5.000	Đạt/ Pass
Cực trong Ủng trái - Vỏ bồn Iron bar in left boot - Case	> 1.000	5.000	Đạt/ Pass

10.3 Thử điện áp xoay chiều - đo dòng điện rò/ AC voltage test - leakage current measurement:

Stt No	Đối tượng đo Measuring object	Điện áp thử nghiệm Check voltage (kV/s)	Mức tiêu chuẩn Standard level (mA)	Kết quả Result (mA)	Đánh giá Assess
1	- Ủng phải/ Right	20,0kV/60s	$\leq 9,0$	> 9,0	Không đạt/ Failure
	- Ủng trái/ Left	20,0kV/60s	$\leq 9,0$	> 9,0	Không đạt/ Failure

10.4 Thử điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ Industrial frequency alternating voltage:

Stt No	Đối tượng đo Measuring object	Điện áp thử nghiệm Check voltage (kV/s)	Kết quả Result	Đánh giá Assess
1	Kiểm tra độ bền điện môi/ Test dielectric strength			
	- Ủng phải/ Right	20kV/60s	Đánh thủng/ Break down	Không đạt/ Failure
	- Ủng trái/ Left	20kV/60s	Đánh thủng/ Break down	Không đạt/ Failure

Số/ No: 2213/2025/TN-ETSC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CERTIFICATE OF TESTING

Ngày/ Date: 24/07/2025

Trang/ Page: 3/3

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.5 Hình ảnh mẫu thiết bị/ Device sample:

